

Bản án số: 73/2022/HS-ST  
Ngày: 20-7-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Trần Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Lam, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **77/2022/TLST-HS** ngày 04 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **73/2022/QĐXXST-HS** ngày 05 tháng 7 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1. Huỳnh Văn L**, tên gọi khác: không có, sinh năm 1988, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn L và bà Phan Thị C; vợ: Trần Thị Xuân T, con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14-6-2022 cho đến nay.

**2. Phan Văn H**, tên gọi khác: không có, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp M, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Đ (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-6-2022 cho đến nay.

**3. Lê Thị H1**, tên gọi khác: không có, sinh năm 1988, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp L, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nữ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình T và bà Lê Thị T; chồng: Nguyễn Hữu L, con: có 03 người; tiền án, tiền

sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10-3-2022 đến ngày 15-4-2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, đến ngày 14-6-2022 bị bắt tạm giam cho đến nay.

*Bị hại:* Công ty TNHH B.

Địa chỉ: Lô B, đường N, khu công nghiệp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Sze Tin Y – chức vụ: Chủ tịch công ty.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo H:* Ông Trần Minh T – là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Minh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Các bị cáo có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29-12-2021, H1 nhắn tin qua mạng xã hội zalo kêu H có lấy dây cáp điện trong Công ty đem ra bán thì gọi cho H1. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đi kiểm tra hệ thống điện trong Công ty thì L gặp và nói với H ở khu BAIKAI có 01 đoạn dây cáp điện, rồi rủ H lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, H kéo xe nâng tay đi lên khu BAIKAI để lấy bom chìm về bơm nước ở khu xử lý nước thải thì thấy L đang tháo đoạn dây cáp điện hiệu ZC-YJV loại  $(3 \times 95\text{mm}^2 + 2 \times 50\text{mm}^2)$  ra khỏi rulô bằng gỗ. L kêu H nắm 01 đầu dây cáp điện kéo đi, còn L tiếp tục tháo dây cáp điện ra khỏi rulô. Sau khi tháo đoạn dây cáp điện được 12m, L bỏ đoạn dây cáp điện lên xe nâng tay, rồi cả hai kéo xe nâng tay đến hàng rào Công ty để bỏ đoạn dây cáp điện ra bên ngoài hàng rào. H nhắn tin cho H1 nói lúc nữa đem dây cáp điện ra bán. Sau đó, cả hai trở về vị trí làm việc.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi tan ca làm, L điều khiển xe mô tô biển số 70L1-253.76 chở H đến lấy đoạn dây cáp điện đem ra vừa thu mua phế liệu bán cho H1. Tại đây, H1 cân đoạn dây cáp điện nặng 48.5kg, tính giá 150.000 đồng/kg, được tổng số tiền 7.300.000 đồng, nhưng do không có tiền sẵn nên H1 hẹn sáng hôm sau sẽ chuyển khoản. Đến khoảng 10 giờ ngày 30/12/2021, H1 chuyển khoản cho H số tiền 7.300.000 đồng. H chia cho L 2.500.000 đồng, số tiền còn lại H tiêu xài hết. Sau đó, H1 bán đoạn dây cáp điện lại cho 01 người nam không rõ lý lịch được 6.800.000 đồng.

Sáng ngày 30-12-2021, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn B kiểm tra, phát hiện bị mất trộm đoạn dây cáp điện nên đã trích xuất camera xác định là L và H là người lấy trộm nên đã trình báo sự việc với Công an đồn khu công nghiệp.

Quá trình điều tra, L, H và H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 27-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gò Dầu kết luận: 12m dây cáp điện hiệu ZC-YJV loại (3x95mm<sup>2</sup> + 2x50mm<sup>2</sup>) trị giá 5.885.952 đồng (01m dây cáp điện trị giá 490.496 đồng).

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 70L1-253.76, số khung: RLCE55P10DY313118, số máy: 55P1313038, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, bị hư hỏng nhiều bộ phận; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 2019, dung lượng 64GB, màu xanh – đen, số Imei: 864361059868399, số Imei2: 964361059868381, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 1: 352884794514134, số Imei 2: 353649454514131, số sim: 0355511706, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 20, màu đồng, số Imei1: 350247874463386, số Emei 2: 353791664463384, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn L (được Công ty trách nhiệm hữu hạn B ủy quyền) yêu cầu bồi thường 22.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu L (chồng của H1) đã bồi thường cho anh L 22.000.000 đồng. L và H mỗi người đã bồi thường cho anh L 7.000.000 đồng.

Về kê biên tài sản: Do L, H, H1 không có tài sản nên cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKSGD ngày 30-5-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Huỳnh Văn L, Phan Văn H, Lê Thị H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

#### ***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Phan Văn H, Lê Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 22.000.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo L, H, mỗi bị cáo đã bồi thường cho anh L số tiền 7.000.000 đồng. Ghi nhận anh L không yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền

8.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo H1 không yêu cầu các bị cáo L, H trả lại số tiền 7.300.000 đồng

Xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

*Người bào chữa cho bị cáo H trình bày tranh luận:* Bị cáo H giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, phạm tội do bị rủ rê. Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, tự nguyện bồi thường và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xin Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo H, H1 không nói lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: khoảng 20 giờ ngày 29-12-2021, tại Công ty TNHH B trong khu công nghiệp P, thuộc xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh, bị cáo L rủ bị cáo H cùng nhau lấy trộm 01 đoạn dây cáp điện hiệu ZC-YJV dài 12m, trị giá 5.885.952 đồng, rồi đem bán cho bị cáo H1 như đã hứa hẹn trước để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: hành vi của các bị cáo Huỳnh Văn L, Phan Văn H, Lê Thị H1 đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... ”.*

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bản thân các bị cáo đủ khả năng nhận thức về hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về đồng phạm, nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Về đồng phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò, nhiệm vụ rõ ràng nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn.

- Bị cáo Huỳnh Văn L có nhân thân tốt, là người rủ bị cáo H và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

- Bị cáo Phan Văn H có nhân thân tốt, là người trực tiếp giúp bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo L, nhưng cao hơn bị cáo H1.

- Bị cáo Lê Thị H có nhân thân tốt, có hành vi giúp L, H tiêu thụ tài sản do trộm được mà có nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau cùng.

[5] Về hình phạt chính: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt, không cần phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt các bị cáo mức án tù, nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

[7.1] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 22.000.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo L, H, mỗi bị cáo đã bồi thường cho anh L số tiền 7.000.000 đồng. Ghi nhận anh L không yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền 8.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo H1 không yêu cầu các bị cáo L, H trả lại số tiền 7.300.000 đồng.

[7.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 70L1-253.76, số khung: RLCE55P10DY313118, số máy: 55P1313038, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, bị hư hỏng nhiều bộ phận; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 2019, dung lượng 64GB, màu xanh – đen, số Imei: 864361059868399, số Imei2: 964361059868381, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei

1: 352884794514134, số Imei 2: 353649454514131, số sim: 0355511706, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 20, màu đồng, số Imei1: 350247874463386, số Emei 2: 353791664463384, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với tiền Việt Nam 6.800.000 đồng là của bị cáo H1 bán được tài sản trộm được mà có, mặc dù bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho bị hại nhưng bị cáo không yêu cầu được nhận lại số tiền này, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

*(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31-5-2022).*

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn L, Phan Văn H, Lê Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Văn L cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Huỳnh Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Văn H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phan Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thị H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Trả tự do ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị giam về tội phạm khác.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 22.000.000 đồng. Ghi nhận các bị cáo L, H, mỗi bị cáo đã bồi thường cho anh L số tiền 7.000.000 đồng. Ghi nhận anh L không yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền 8.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo H1 không yêu cầu các bị cáo L, H trả lại số tiền 7.300.000 đồng.

3.2. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 70L1-253.76, số khung: RLCE55P10DY313118, số máy: 55P1313038, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, bị hư hỏng nhiều bộ phận; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 2019, dung lượng 64GB, màu xanh – đen, số Imei: 864361059868399, số Imei2: 964361059868381, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, số Imei 1: 352884794514134, số Imei 2: 353649454514131, số sim: 0355511706, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 20, màu đồng, số Imei1: 350247874463386, số Emei 2: 353791664463384, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 6.800.000 (sáu triệu, tám trăm ngàn) đồng.

*(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31-5-2022)*

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Buộc các bị cáo Huỳnh Văn L, Phan Văn H, Lê Thị H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo, các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Vũ**